DOI: 10.56794/KHXHVN.4(220).3-11

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào tham gia và thực thi các cam kết thương mại quốc tế trong bối cảnh biến động địa chính trị

Đinh Khương Duy*

Nhận ngày 11 tháng 01 năm 2026. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 3 năm 2026.

Tóm tắt: Bài viết làm rõ một số nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền, hài hòa lợi ích và thượng tôn pháp luật quốc tế. Qua đó, bài viết khẳng định tư tưởng của Người có giá trị định hướng cho Việt Nam trong tiếp cận việc tuân thủ và thực thi pháp luật thương mại quốc tế trong bối cảnh hiện nay. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị pháp lý và chính sách cho Việt Nam nhằm ứng phó và bảo vệ lợi ích quốc gia trước những biến động của trật tự thương mại toàn cầu.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật thương mại quốc tế, trật tự thương mại toàn cầu.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: The article elucidates several core elements of Hồ Chí Minh's thought on international cooperation, based on the principles of equality, respect for independence and sovereignty, harmonization of interests, and respect for international law. Accordingly, it affirms that His thought retains its guiding value for Vietnam's approach to the observance and implementation of international trade law in the current context. On that basis, the article puts forward a number of legal and policy recommendations for Vietnam to respond to and protect national interests in the face of fluctuations in the global trade order.

Keywords: Hồ Chí Minh's thought, international trade law, global trade order.

Subject classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Trong những thập niên gần đây, thương mại quốc tế đã trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam (Vanham, 2018). Việc tham gia sâu vào các thiết chế thương mại khu vực và toàn cầu không chỉ mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường mà còn góp phần củng cố vị thế của Việt Nam trong hệ thống kinh tế quốc tế (Bộ Công Thương, 2025). Tuy vậy, thương mại quốc tế ngày càng chịu sự chi phối mạnh mẽ của các biến động địa chính trị toàn cầu. Hệ thống thương mại đa biên đang phải đối mặt với nhiều sức ép từ xu hướng đơn phương hóa trong áp dụng chính sách thương mại và sự trở lại của chủ nghĩa bảo hộ. Trong bối cảnh đó, Việt Nam không chỉ cần thực hiện tốt các cam kết thương mại quốc tế mà còn phải chủ động ứng xử hiệu quả với những biến động phức tạp.

Điều này đặt ra yêu cầu về một nền tảng tư tưởng nhằm định hướng cách Việt Nam tham gia và ứng xử trong các quan hệ pháp lý phát sinh từ thương mại quốc tế. Cũng như trong nhiều lĩnh vực khác, tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế và hợp tác giữa các quốc gia có thể được xem là nền tảng tư tưởng cốt lõi để Việt Nam vận dụng.

* Trường Kinh tế, Luật và Quản lý nhà nước, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
Email: duydk@ueh.edu.vn

Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Đối với tất cả các nước trên thế giới, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thiết tha mong muốn duy trì tình hữu nghị và thành thật hợp tác trên cơ sở bình đẳng và tương trợ để xây dựng hòa bình thế giới lâu dài" (Hồ Chí Minh, 2011, t.11: 269). Điều này cho thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế là sự đáp ứng xu thế khách quan của thời đại, chứ không phải là lựa chọn có tính tình thế hay một sự nhượng bộ chiến thuật (Nguyễn Văn Lan, 2021).

Đồng thời, Hồ Chí Minh luôn đặt việc mở rộng hợp tác quốc tế trong khuôn khổ các nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và hữu nghị. Nói cách khác, hội nhập quốc tế phải được định hướng bởi các giá trị và lợi ích cốt lõi của quốc gia, không làm phương hại đến quyền tự chủ trong hoạch định và thực thi chính sách. Trong thực tiễn, tư tưởng này đã được Đảng ta kế thừa và phát triển trong đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021:10).

Việc tham gia vào các thiết chế hợp tác thương mại đa phương và khu vực là một bộ phận quan trọng trong đường lối đối ngoại và chiến lược hợp tác quốc tế của Việt Nam (Phan Văn Rân và Ngô Chí Nguyện, 2025). Vì vậy, việc tuân thủ và thực thi pháp luật thương mại quốc tế có thể được xem như một phương thức hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về hội nhập quốc tế trong bối cảnh hiện đại, thể hiện rõ nét trong quá trình Việt Nam tham gia sâu rộng vào các cơ chế thương mại toàn cầu và khu vực.

Trong tiến trình tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và các cơ chế hợp tác thương mại khác, Việt Nam vừa phải tranh thủ những cơ hội về thị trường, vốn, công nghệ, vừa cần hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao năng lực thể chế và khả năng tự bảo vệ lợi ích chính đáng của quốc gia. Hiện nay, trong bối cảnh trật tự thương mại quốc tế đang chịu sức ép lớn từ các xu hướng đơn phương hóa, chính trị hóa và quyền lực hóa trong quan hệ thương mại, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để dung hòa giữa việc tuân thủ các cam kết quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trở nên đặc biệt cấp thiết.

Từ định hướng đó, bài viết tập trung làm rõ một số nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế, đặc biệt là các nguyên tắc về bình đẳng, tôn trọng chủ quyền và tinh thần thượng tôn các cam kết quốc tế, với trọng tâm là các luận điểm có liên hệ trực tiếp tới lĩnh vực thương mại quốc tế. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích những yêu cầu đặt ra đối với việc tuân thủ và thực thi pháp luật thương mại quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh trật tự thương mại toàn cầu nhiều biến động, qua đó làm rõ cách thức vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc cân bằng giữa hội nhập sâu rộng và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Cuối cùng, bài viết gợi mở một số định hướng nhằm nâng cao năng lực thích ứng và hiệu quả tham gia của Việt Nam trong các quan hệ pháp luật thương mại quốc tế trên tinh thần vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được triển khai chủ yếu theo hướng phân tích học thuyết chính trị - pháp lý. Cụ thể, tác giả hệ thống hóa các quan điểm và nhận định tiêu biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế và pháp luật quốc tế, qua đó rút ra những nguyên tắc cốt lõi như bình đẳng, tôn trọng chủ quyền và thượng tôn cam kết quốc tế.

Bên cạnh đó, bài viết sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp nhằm làm rõ giá trị định hướng của các tư tưởng này đối với việc tham gia, tuân thủ và thực thi pháp luật thương mại quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở kết hợp phương pháp đối sánh lý luận - thực tiễn, bài viết tiến hành so sánh các nguyên tắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh với những vấn đề đặt ra từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và thực thi các cam kết thương mại, qua đó rút ra một số hàm ý cụ thể về pháp lý và chính sách.

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả kết hợp giữa khảo cứu tài liệu gốc (như các phát biểu, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh) và tài liệu thứ cấp (như báo cáo của các tổ chức quốc tế), đồng thời tham khảo quan điểm học thuật của nhiều học giả trong các công trình nghiên cứu cùng lĩnh vực.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và thượng tôn pháp luật quốc tế

Một nội dung nhất quán trong tư tưởng của Hồ Chí Minh là quan hệ quốc tế chỉ có thể bền vững khi được xây dựng trên nền tảng bình đẳng và sự tôn trọng độc lập, chủ quyền giữa các quốc gia. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, "bình đẳng" không phải là một khẩu hiệu ngoại giao có tính hình thức mà là một nguyên tắc chính trị - pháp lý có nội hàm sâu sắc, hướng đến loại trừ mọi hành vi áp đặt, chèn ép cũng như các dạng quan hệ lệ thuộc giữa các quốc gia. Theo đó, các quốc gia cần được đặt trong vị thế bình đẳng như những chủ thể của một trật tự pháp lý chung, thay vì bị chi phối hoàn toàn bởi tương quan quyền lực. Chính vì vậy, khi nói về quan hệ giữa Việt Nam và Pháp, Người khẳng định: "Nhân dân Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương phát triển những mối quan hệ về mọi mặt giữa Việt Nam và Pháp trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; không can thiệp vào nội bộ của nhau, bình đẳng và hai bên cùng có lợi" (Hồ Chí Minh, 2011, t.14: 356).

Có thể thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh, hợp tác quốc tế không tách rời khỏi vấn đề chủ quyền quốc gia. Trái lại, chính sự tôn trọng độc lập và chủ quyền của mỗi quốc gia mới tạo nên cơ sở chính đáng và bền vững cho hợp tác. Do đó, mở rộng quan hệ đối ngoại không có nghĩa là từ bỏ độc lập hay chấp nhận một trật tự bất bình đẳng, mà là quá trình thiết lập các quan hệ hợp tác trong đó mỗi quốc gia được thừa nhận như một chủ thể bình đẳng của cộng đồng quốc tế.

Một nội dung quan trọng khác là Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở việc nêu các nguyên tắc chính trị mà còn sớm tiếp cận các vấn đề quốc tế dưới góc độ luật pháp và công lý, khi nhấn mạnh rằng "công bình và lý tưởng dân chủ phải thay cho chiến tranh" và chủ trương giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia bằng biện pháp hòa bình, thương lượng (Hồ Chí Minh, 2011, t.4: 76-77). Tư tưởng ấy thể hiện một góc nhìn rất tiến bộ về thượng tôn luật pháp quốc tế, trong đó các nguyên tắc bình đẳng không dùng vũ lực, không can thiệp vào công việc nội bộ được xem là nền tảng cho một trật tự quốc tế công bằng và ổn định (Nguyễn Hữu Huyên và Nguyễn Hoàng Long, 2020).

Hồ Chí Minh thể hiện rõ sự kết hợp giữa tính nguyên tắc và sự cởi mở trong quan hệ đối ngoại qua phát biểu: "Trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chúng tôi sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao và thương mại với tất cả các nước" (Hồ Chí Minh, 2011, t.10: 317). Điều này cho thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mở rộng hợp tác quốc tế không phải là sự nhân nhượng hay phụ thuộc, mà là sự chủ động thiết lập quan hệ với các quốc gia khác trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng và hợp tác vì lợi ích chung. Trên phương diện pháp lý, phát biểu này gợi mở cách tiếp cận theo đó việc xác lập quan hệ ngoại giao và thương mại luôn gắn với những nguyên tắc nền tảng cấu thành "chế độ pháp lý" của quan hệ đó, chứ không chỉ là quyết định mang tính chính trị thuần túy.

Nếu nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng chủ quyền tạo nên nền tảng của quan hệ quốc tế, thì nguyên tắc "hai bên cùng có lợi" chính là nội dung thực chất làm cho sự hợp tác trở nên bền vững. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, quan hệ giữa các quốc gia không thể được xây dựng trên sự áp đặt một chiều hoặc trên lợi ích chỉ nghiêng về một phía. Tuy nhiên, "hai bên cùng có lợi"

không nên được hiểu theo nghĩa hẹp là sự trao đổi lợi ích trước mắt, mà còn phản ánh một quan niệm rộng hơn về sự hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia vào quan hệ quốc tế. Chính vì vậy, Người nhiều lần nhấn mạnh yêu cầu tôn trọng nghiêm túc các cam kết quốc tế đã ký kết, coi việc "làm đúng những điều đã ký kết" không chỉ là trách nhiệm đơn phương của quốc gia yếu thế hơn mà là nguyên tắc cốt lõi bảo đảm sự hài hoà lợi ích trong quan hệ giữa các quốc gia (Hồ Chí Minh, 2011, t.4: 103, 106, 230). Ở góc độ luật học, đây chính là cách tiếp cận đề cao nguyên tắc *pacta sunt servanda*, nguyên tắc buộc các chủ thể phải thực hiện những nghĩa vụ quốc tế đã cam kết (Nguyễn Hữu Huyên và Nguyễn Hoàng Long, 2020). Nguyên tắc này đã trở thành nền tảng của luật điều ước quốc tế nói chung và hệ thống quy tắc điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế nói riêng.

Các luận điểm trên cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế và pháp luật quốc tế không chỉ có giá trị như một hệ chuẩn mực chính trị - đạo đức, mà còn có ý nghĩa định hướng đối với cách tiếp cận của Việt Nam trong các quan hệ pháp lý của thương mại quốc tế hiện đại. Ở góc độ này, có thể thấy những nội dung cốt lõi như bình đẳng chủ quyền, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình và tôn trọng nghĩa vụ theo điều ước quốc tế vẫn giữ nguyên giá trị định hướng đối với việc Việt Nam tham gia và thực thi các quy tắc của hệ thống thương mại quốc tế dựa trên luật lệ, trong đó có WTO và các FTA thế hệ mới.

3.2. Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong việc tham gia và thực thi pháp luật thương mại quốc tế trong bối cảnh hiện nay

Trong những thập niên gần đây, Việt Nam đã hội nhập sâu trong khuôn khổ WTO và xây dựng mạng lưới các FTA với nhiều đối tác trong và ngoài khu vực. Đây chính là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế tăng trưởng vượt bậc (Bộ Công thương, 2025). Ở bình diện pháp luật, Việt Nam là một quốc gia có mức tuân thủ pháp luật thương mại quốc tế tốt, được ghi nhận qua đợt rà soát chính sách thương mại của WTO (WTO, 2021). Tuy nhiên, hệ thống thương mại quốc tế đang chịu sức ép ngày càng lớn từ xu hướng đơn phương hóa, chính trị hóa và sự chia rẽ về mặt lợi ích giữa các quốc gia. Điều này đặt ra những thách thức mới cho Việt Nam trong việc tham gia, tuân thủ và thực thi pháp luật thương mại quốc tế.

Kể từ năm 2017, Hoa Kỳ liên tục chặn việc bổ nhiệm các thành viên mới của Cơ quan Phúc thẩm, khiến cơ quan này rơi vào tình trạng tê liệt từ cuối năm 2019 do không còn đủ thành viên để xem xét các kháng cáo. Tình trạng này làm suy yếu đáng kể trụ cột tài phán của WTO, vốn là cơ chế giúp các quy tắc thương mại đa phương vận hành hiệu quả. Điều này đặc biệt bất lợi đối với những thành viên vừa và nhỏ vốn tin tưởng vào một cơ chế giải quyết tranh chấp được thể chế hóa và dựa trên luật lệ (Payosova và cộng sự, 2018). Cho đến nay, các thành viên WTO vẫn không đạt được đồng thuận về việc khôi phục Cơ quan Phúc thẩm, dẫn đến tình trạng bế tắc kéo dài (WTO, 2025a).

Đồng thời, WTO ghi nhận sự gia tăng đáng kể của các biện pháp thuế quan và các biện pháp hạn chế thương mại khác. Năm 2025, tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu toàn cầu chịu tác động của các biện pháp nhập khẩu còn hiệu lực đạt 4.604,1 tỷ USD, tương đương 19,4% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa thế giới (WTO, 2025b). Con số này cho thấy chủ nghĩa bảo hộ trong thương mại đang có xu hướng trở lại, gắn liền với các căng thẳng thương mại mang tính địa - chính trị, từ đó làm suy giảm thành quả tự do hóa thương mại tích lũy trong nhiều thập kỷ. Ở góc độ pháp lý, việc một tỷ lệ lớn thương mại toàn cầu bị đặt dưới các biện pháp hạn chế phản ánh nguy cơ xói mòn các cam kết về mở cửa thị trường mà hệ thống quy tắc thương mại quốc tế vốn hướng tới.

Bên cạnh các biện pháp hạn chế thương mại truyền thống, những năm gần đây, các biện pháp hạn chế thương mại đơn phương được áp dụng ngày càng phổ biến. Các biện pháp này

bao gồm cấm xuất khẩu, kiểm soát đầu tư, kiểm soát chuỗi cung ứng và các biện pháp quản lý rủi ro đối với hàng hóa, dịch vụ và công nghệ trọng yếu. Dù chúng được thiết kế theo nhiều hình thức khác nhau nhưng đều tác động đáng kể đến thương mại quốc tế (UNCTAD, 2023: 42-43). Ở góc độ pháp lý, nhiều quốc gia có xu hướng gắn các biện pháp hạn chế thương mại với các mục tiêu liên quan tới an ninh quốc gia, làm mờ đi ranh giới bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu và bảo hộ thương mại. Trong bối cảnh đó, thương mại ngày càng có nguy cơ bị "an ninh hóa", khi các biện pháp hạn chế xuất, nhập khẩu được biện minh dưới danh nghĩa bảo vệ an ninh quốc gia.

Bên cạnh đó, sự gia tăng các hiệp định thương mại khu vực và các khuôn khổ hợp tác theo nhóm cũng góp phần làm trật tự thương mại quốc tế thêm phân mảnh. Các cam kết song phương và khu vực với mức độ mở cửa và chuẩn mực cao hơn WTO tiềm ẩn nguy cơ xung đột với pháp luật WTO, đồng thời từng bước làm suy yếu vai trò của nguyên tắc tối huệ quốc như một chuẩn mực nền tảng của hệ thống đa phương.

Những diễn biến này cho thấy hệ thống thương mại quốc tế dựa trên luật lệ đang phải vận hành trong một môi trường ngày càng chịu tác động mạnh của các yếu tố quyền lực và cạnh tranh chiến lược. Các quy tắc thương mại quốc tế không còn được tuân thủ một cách đầy đủ và nhất quán, nhất là khi các nước lớn đặt lợi ích riêng lên hàng đầu. Vấn đề đặt ra đối với Việt Nam hiện nay không chỉ là tham gia và tuân thủ pháp luật thương mại quốc tế, mà còn là tìm ra hướng đi trong bối cảnh môi trường pháp lý của thương mại toàn cầu đang gặp nhiều thách thức.

Điều này đặt ra nhiều câu hỏi cho Việt Nam trong việc chọn hướng tiếp cận phù hợp với pháp luật thương mại quốc tế. Liệu Việt Nam có nên tiếp tục ủng hộ, thúc đẩy hệ thống thương mại đa phương dựa trên luật lệ, khi mà các quy tắc pháp lý chung dường như không còn đủ khả năng kiềm chế những hành vi áp đặt đơn phương từ các quốc gia có ưu thế về kinh tế - chính trị? Ngoài ra, Việt Nam cần làm gì để nâng cao năng lực sử dụng các công cụ pháp lý quốc tế nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và tăng cường khả năng ứng phó trước các biện pháp hạn chế thương mại phức tạp? Những câu hỏi này, xét đến cùng, liên quan tới việc lựa chọn hướng đi trong bối cảnh mới của quan hệ quốc tế.

Để trả lời những câu hỏi này, rất cần xuất phát từ những nguyên tắc cơ bản trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về đối ngoại và thượng tôn pháp luật quốc tế. Như sẽ được làm rõ dưới đây, việc nghiên cứu và vận dụng đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ đem lại một định hướng đúng đắn giúp Việt Nam bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong bối cảnh thương mại quốc tế đang có nhiều biến động.

3.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc tham gia, tuân thủ và thực thi pháp luật thương mại quốc tế của Việt Nam trong tình hình mới

Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay của pháp luật thương mại quốc tế không chỉ dừng lại ở các tuyên bố có tính nguyên tắc mà phải trở thành một chiến lược thực tiễn nhằm định hướng cách tiếp cận của Việt Nam trước những biến động phức tạp của trật tự thương mại toàn cầu. Trong bối cảnh hệ thống thương mại đa biên đang chịu sức ép từ xu hướng đơn phương hóa và sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ, phương châm "dĩ bất biến ứng vạn biến" của Người chính là chìa khóa để Việt Nam dung hòa giữa hội nhập và tự chủ (Hồ Chí Minh, 2011, t.3: 197). Cái "bất biến" ở đây chính là nguyên tắc bình đẳng, chủ quyền quốc gia và lợi ích dân tộc, trong khi cái "vạn biến" là các bất ổn địa - chính trị, sự suy yếu của các thiết chế quốc tế và các rào cản thương mại mới.

Trước thực trạng các nước lớn tăng cường áp đặt các biện pháp đơn phương và chính trị hóa quan hệ thương mại quốc tế, Việt Nam cần kiên định nguyên tắc về chủ quyền. Trên tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh, việc mở rộng quan hệ thương mại quốc tế không thể được đánh đổi

bằng độc lập và chủ quyền. Đây là tư tưởng cốt lõi, theo đó Việt Nam không chấp nhận sự chèn ép hay lệ thuộc, không để các cam kết thương mại trở thành công cụ làm suy yếu quyền tự quyết về chính trị và tự chủ trong hoạch định chính sách. Nguyên tắc này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh nhiều quốc gia viện dẫn vấn đề an ninh để biện minh cho các biện pháp hạn chế thương mại. Dù cần tránh việc lạm dụng lý do an ninh như một hình thức bảo hộ thương mại trá hình, nó phản ánh quan điểm nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh: hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thương mại chỉ có ý nghĩa khi được đặt trên nền tảng tôn trọng sự độc lập, chủ quyền của các bên.

Đối với sự xói mòn của trật tự thương mại đa phương dựa trên luật lệ, nhất là tình trạng bế tắc của Cơ quan Phúc thẩm WTO, việc duy trì nguyên tắc thượng tôn các cam kết quốc tế đóng vai trò như lá chắn bảo vệ uy tín quốc gia. Việc Hồ Chí Minh vẫn đề cao thượng tôn pháp luật quốc tế ngay cả khi các nước lớn nhiều lần phá vỡ cam kết (Hồ Chí Minh, 2011, t.4: 103, 106, 230) có hàm ý quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

Việt Nam không nên nhìn nhận việc tuân thủ pháp luật thương mại quốc tế như gánh nặng đơn phương của bên yếu thế, mà phải tiếp cận nó như lợi thế chiến lược nhằm khẳng định vị thế của một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Khi một số quốc gia sử dụng sức mạnh kinh tế - chính trị thách thức trật tự thương mại dựa trên luật lệ, nếu các quốc gia khác có xu hướng hành xử tương tự, điều này sẽ dẫn đến sự suy yếu và có nguy cơ làm đổ vỡ hệ thống thương mại đa biên, kéo theo những hệ lụy nghiêm trọng đối với trật tự quốc tế. Hơn nữa, việc kiên trì nguyên tắc thượng tôn pháp luật quốc tế sẽ tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc để Việt Nam vận dụng các công cụ phòng vệ thương mại, tiến hành khởi kiện các biện pháp hạn chế thương mại đơn phương, cũng như đấu tranh chống lại các hành vi cản trở tự do thương mại thông qua các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế. Đây chính là biểu hiện của hình thức đấu tranh chính trị - pháp lý thay thế cho đối đầu quân sự, phản ánh sự vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh quan hệ thương mại quốc tế hiện đại.

Trước thực trạng trật tự đa phương gặp nhiều thách thức, tinh thần "hai bên cùng có lợi" và sự hài hòa lợi ích trong tư tưởng Hồ Chí Minh cần được xác định là tôn chỉ cốt lõi định hướng cho các thỏa thuận thương mại song phương và khu vực. Việc mở rộng quan hệ thương mại với các đối tác trong khuôn khổ các thiết chế này không phải là sự lựa chọn tình thế khi WTO suy giảm vai trò, mà là hướng đi chủ động để Việt Nam tạo lập vị thế và bảo vệ lợi ích lâu dài của quốc gia. Do đó, việc đàm phán, ký kết các thỏa thuận hợp tác này không nên mang tính hình thức, ưu tiên số lượng mà cần đem lại lợi ích thực chất, đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Bên cạnh đó, tinh thần "hai bên cùng có lợi" và sự hài hòa lợi ích trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nên được diễn giải linh hoạt hơn trong bối cảnh thương mại quốc tế. Tinh thần này không chỉ nên được hiểu là sự hài hòa lợi ích giữa các quốc gia, mà cần được mở rộng thành sự cân bằng về lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong quá trình hội nhập. Từ góc độ pháp lý, điều này đặt ra yêu cầu chuyển hóa các cam kết thương mại quốc tế thành "khuôn khổ hội nhập", trong đó doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng cơ hội, giảm thiểu rủi ro pháp lý và từng bước nâng cao vị thế trong quan hệ thương mại quốc tế.

Ở khía cạnh này, cần liên hệ với quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của thương mại trong việc nối các khu vực sản xuất, tiêu dùng. Người nhận định rằng "thương nghiệp làm nhiệm vụ đưa hàng hóa công nghiệp về bán cho nông dân, rồi lại mua các thứ nông sản về cho nhà máy" (Hồ Chí Minh, 2011, t.13: 470). Dù bối cảnh thương mại quốc tế hiện đại có nhiều khác biệt, vai trò này vẫn cần được tiếp cận theo tinh thần đó. Nếu thương mại quốc tế chỉ được nhìn từ góc độ giao dịch xuất nhập khẩu thì pháp luật sẽ dễ thiên về quản lý giao dịch và thực thi cam kết theo nghĩa hẹp. Nhưng nếu thương mại quốc tế được xem như cơ chế kết nối

giữa sản xuất trong nước với thị trường thế giới, giữa doanh nghiệp trong nước với các chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, thì pháp luật thương mại quốc tế cần trở thành một bộ phận của chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, chứ không chỉ là một lĩnh vực pháp lý chuyên ngành điều chỉnh các giao dịch thương mại xuyên biên giới.

Cuối cùng, việc tuân thủ, thực thi thành công pháp luật thương mại quốc tế trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi Việt Nam phải xây dựng năng lực cho đội ngũ cán bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh cán bộ thương nghiệp cần "phụng sự lợi ích của nhân dân", "trau dồi đức tính cần kiệm liêm chính" (Tạp chí Công thương, 2023). Người yêu cầu cán bộ thương nghiệp phải "nâng cao hơn nữa tinh thần phục vụ nhân dân, phục vụ sản xuất. Mua những thứ đã khuyến khích đồng bào bán, bán những thứ đồng bào cần mua. Giá cả cần đúng mức, thái độ cần khiêm tốn" (Hồ Chí Minh, 2011, t.13: 106). Từ đó, có thể thấy việc nâng cao năng lực chuyên môn gắn với rèn luyện đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ không chỉ là yêu cầu nội tại của quản lý nhà nước. Đó còn là điều kiện để Việt Nam thực thi hiệu quả các cam kết thương mại quốc tế một cách bền vững vì lợi ích quốc gia - dân tộc.

Như vậy, việc tham gia, tuân thủ và thực thi pháp luật thương mại quốc tế trong bối cảnh hiện nay không chỉ là vấn đề tôn trọng các cam kết mà còn đòi hỏi sự chủ động ứng phó với các diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh hệ thống thương mại quốc tế có nhiều biến động, việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa lớn trong việc định hình cách ứng xử linh hoạt của Việt Nam. Cụ thể, cách tiếp cận của Việt Nam cần được định hình theo ba yêu cầu trọng tâm: (1) kiên trì nguyên tắc tôn trọng luật pháp và các cam kết thương mại quốc tế; (2) chủ động tham gia vào các cơ chế hợp tác song phương và khu vực; (3) thiết kế chính sách, pháp luật và xây dựng năng lực để bảo vệ lợi ích quốc gia trong một môi trường thương mại biến động.

3.4. Một số kiến nghị nhằm nâng cao năng lực tham gia, tuân thủ và thực thi pháp luật thương mại quốc tế của Việt Nam

Từ những phân tích nêu trên, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào tuân thủ, thực thi pháp luật thương mại quốc tế trong bối cảnh quốc tế nhiều biến động như hiện nay cần được chuyển hóa thành những nhiệm vụ cụ thể. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị chính sách và pháp lý như sau.

Trước hết, cần tiếp tục rà soát và củng cố khuôn khổ pháp lý liên quan đến thương mại quốc tế trên nguyên tắc bảo đảm độc lập, chủ quyền quốc gia. Cụ thể, cần thận trọng với những quy định có chủ ý lồng ghép sự phụ thuộc chính trị hoặc tạo ra nguy cơ can thiệp vào công việc nội bộ. Việt Nam cần chủ động đề xuất các điều khoản bảo vệ an ninh kinh tế - chính trị, đồng thời duy trì quyền điều tiết của Nhà nước trong các lĩnh vực chiến lược. Đặc biệt, khi đàm phán các FTA thế hệ mới với mức độ cam kết sâu rộng về thể chế, Việt Nam cần chú trọng việc duy trì "không gian chính sách" cần thiết cho Nhà nước thông qua những điều khoản bảo lưu phù hợp.

Thứ hai, cần nâng cao chất lượng nội luật hóa các cam kết quốc tế về thương mại. Hiệu quả của hội nhập không chỉ phụ thuộc vào việc ký kết các điều ước, mà còn phụ thuộc rất lớn vào việc chuyển hóa cam kết trong các điều ước thành những quy tắc pháp lý rõ ràng, khả thi trong thực tiễn. Quá trình nội luật hóa các cam kết thương mại phải được thực hiện thận trọng, bảo đảm vừa tuân thủ pháp luật quốc tế, vừa phù hợp với năng lực thực thi của các cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Đặc biệt, các quy định về tiếp cận thị trường, phòng vệ thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy tắc xuất xứ… cần được nội luật hóa dựa trên năng lực của doanh nghiệp, bảo vệ hợp lý lợi ích chính đáng của doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước. Điều này đòi hỏi sự phối hợp hiệu quả hơn giữa các cơ quan hữu quan trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật, hướng dẫn và tổ chức thực thi.

Thứ ba, để bảo vệ hiệu quả lợi ích quốc gia trong quan hệ thương mại quốc tế, Việt Nam cần chủ động nghiên cứu và áp dụng các biện pháp pháp lý phù hợp. Trong bối cảnh trật tự thương mại toàn cầu chịu tác động của các yếu tố địa chính trị và cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia, việc tham gia hệ thống thương mại quốc tế đòi hỏi khả năng sử dụng hiệu quả các công cụ hợp pháp sẵn có để bảo vệ doanh nghiệp và thị trường nội địa (chẳng hạn các biện pháp chống trợ cấp, chống bán phá giá). Ngoài ra, việc tận dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ các thiết chế thương mại để bảo vệ lợi ích chính đáng của Việt Nam trước sự vi phạm của các đối tác cũng cần được đẩy mạnh. Ở khía cạnh này, Việt Nam nên học tập từ kinh nghiệm của các quốc gia có cùng điều kiện như Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia trong thiết kế chính sách cũng như tham gia tranh tụng thương mại quốc tế.

Thứ tư, cần tăng cường cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình tham gia thương mại quốc tế, đặc biệt là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó, cần phát triển đa dạng các kênh hỗ trợ trong những lĩnh vực chuyên sâu như tiêu chuẩn kỹ thuật, phòng vệ thương mại, quy tắc xuất xứ và giải quyết tranh chấp. Đồng thời, Việt Nam cần ban hành các chính sách phù hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh các rào cản thương mại ngày càng gia tăng. Doanh nghiệp cũng cần được đào tạo một cách hệ thống về việc tận dụng hiệu quả các cơ hội từ hội nhập, nhận diện rào cản gia nhập thị trường cũng như quản trị rủi ro pháp lý trong môi trường thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, các chính sách ưu tiên, trong khuôn khổ phù hợp với quy định về trợ cấp, cần được thiết kế và thực thi một cách hiệu quả.

Cuối cùng, cần tiếp tục nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ công thương thông qua đào tạo chuyên sâu về pháp luật thương mại quốc tế, kỹ năng áp dụng pháp luật và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn. Việt Nam cần tiếp tục cải thiện tính minh bạch của thủ tục hành chính, chuẩn hóa quy trình, thủ tục, công khai thông tin và ứng dụng công nghệ số trong quản lý. Bên cạnh đó, việc tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình áp dụng pháp luật là hết sức cần thiết. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc thiết lập cơ chế giám sát hiệu quả, quy định rõ trách nhiệm của từng chủ thể thực thi và bảo đảm khả năng truy cứu trách nhiệm khi xảy ra sai phạm.

4. Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế và thượng tôn pháp luật quốc tế vẫn giữ nguyên giá trị định hướng cho cách tiếp cận của Việt Nam trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế hiện nay. Giá trị đó không chỉ thể hiện qua các tuyên bố mang tính nguyên tắc, mà còn ở cách tiếp cận thực chất về quan hệ đối ngoại, pháp luật quốc tế và vai trò của Nhà nước. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, hợp tác quốc tế luôn gắn với các nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và hài hòa lợi ích. Việc mở rộng hợp tác phải đi đôi với giữ vững quyền tự chủ; hội nhập quốc tế cần được triển khai một cách chủ động, trên cơ sở đặt lợi ích quốc gia - dân tộc ở vị trí trung tâm. Những quan điểm này tạo nền tảng để Việt Nam chủ động, linh hoạt trong việc tham gia và thực thi pháp luật thương mại quốc tế.

Trong bối cảnh trật tự thương mại quốc tế chịu tác động của xu hướng đơn phương hóa, chính trị hóa và cạnh tranh quyền lực, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi Việt Nam kiên định tinh thần thượng tôn pháp luật quốc tế, đồng thời giữ vững sự tự chủ về chính sách và chủ động bảo vệ lợi ích quốc gia.

Tài liệu tham khảo

Bộ Công Thương. (8/8/2025). *Mạng lưới FTA - động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam.* https://dangcongsan.org.vn/bocongthuong/tin-tuc-hoat-dong/mang-luoi-fta-dong-luc-quan-trong-thuc-day-tang-truong-kinh-te-viet-nam.html

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. t.1. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2025). *Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội XIV của Đảng*. https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/toan-van-du-thao-bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-tai-dai-hoi-xiv-cua-dang-119251015171703632.htm

Hồ Chí Minh: Biên niên tiểu sử. (2011). t.3. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Hồ Chí Minh toàn tập. (2011). t.4, 10, 11, 13, 14. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Nguyễn Hữu Huyên, Nguyễn Hoàng Long. (26/11/2020). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về thượng tôn pháp luật quốc tế.* https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2557

Nguyễn Văn Lan. (15/10/2021). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về hội nhập quốc tế: Những giá trị bền vững soi sáng sự nghiệp cách mạng Việt Nam*. Tạp chí Cộng sản. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoc-tap-va-lam-theo-tu-tuong-ao-uc-phong-cach-ho-chi-minh1/-/2018/824191/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-hoi-nhap-quoc-te--nhung-gia-tri-ben-vung-soi-sang-su-nghiep-cach-mang-viet-nam.aspx

Payosova, T. et al. (2018). *The dispute settlement crisis in the World Trade Organization: causes and cures.* Peterson Institute for International Economics Policy Brief. https://www.piie.com/sites/default/files/documents/pb18-5.pdf

Phan Văn Rân và Ngô Chí Nguyện. (2020). *Đối ngoại đa phương của Việt Nam sự gắn kết giữa lợi ích quốc gia với trách nhiệm quốc tế*. Tạp chí Lịch sử Đảng số 6/2020. https://tapchilichsudang.vn/doi-ngoai-da-phuong-cua-viet-nam-su-gan-ket-giua-loi-ich-quoc-gia-voi-trach-nhiem-quoc-te.html

Tạp chí Công thương. (19/5/2023). *Bác Hồ với ngành công thương*. https://tapchicongthuong.vn/bac-ho-voi-nganh-cong-thuong-105233.htm

United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD). (2023). *Trade and development report 2023*. https://unctad.org/system/files/official-document/tdr2023_en.pdf

Vanham, P. (2018). *The story of Viet Nam's economic miracle*. World Economic Forum. https://www.weforum.org/stories/2018/09/how-vietnam-became-an-economic-miracle/

World Trade Organization (WTO). (27/4/2021). *Trade Policy Review: Vietnam*. https://www.wto.org/english/tratop_e/tpr_e/tp510_e.htm

World Trade Organization (WTO). (27/1/2025a). *Members consider China's request for panel to examine Canada's surtax on certain products from China*. https://www.wto.org/english/news_e/news25_e/dsb_27jan25_e.htm

World Trade Organization (WTO). (3/7/2025b). *WTO Trade Monitoring Update: Latest Trends*. https://www.wto.org/english/news_e/news25_e/trdev_03jul25_e.htm